TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2022/DS-ST
Ngày 29 tháng 6 năm 2022
"V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Ông Lê Văn Đính
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Nguyễn Thị Mý
2. Ông Nguyễn Như Quang
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa*: Ông Lê Đức Trung – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 265/2021/TLST-DS ngày 20 tháng 12 năm 2021, về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2022/QĐST-DS ngày 16 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng X (NHX); địa chỉ: Khu N, phường H, quận M, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn theo (Theo Quyết định ủy quyền tham gia tố tụng số 53A/QĐ-NHCS ngày 01-10-2019 của Giám đốc Phòng giao dịch NHX huyện G, tỉnh Gia Lai): Ông Huỳnh Xuân Trường – Phó giám đốc Phòng giao dịch NHX huyện G, tỉnh Gia Lai; địa chỉ: Số H, thị trấn K, huyện G, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- *Bị đơn*: Bà Phạm Thị O và ông Lương Văn T; địa chỉ: Làng T, xã B, huyện G, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Căn cứ Danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn ngày 08-3-2018 của Uỷ ban nhân dân xã B, huyện G, tỉnh Gia Lai ngày 14-3-2018 Phòng giao dịch NHX huyện G đã giải ngân cho hộ gia đình bà Phạm Thị O và ông Lương Văn T vay vốn chương trình Hộ mới thoát nghèo với số tiền 50.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 4200062307, lãi suất 8.25%/năm, thời hạn trả nợ cuối cùng ngày 14-3-2023, trả lãi hàng tháng và gốc trả 12 tháng/lần kể từ ngày nhận tiền vay, số tiền gốc trả mỗi kỳ là 10.000.000 đồng, bắt đầu trả tiền gốc là ngày 14-3-2019. Hình thức vay tín chấp ủy thác qua Hội Nông dân xã B, huyện G, tỉnh Gia Lai. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà Phạm Thị O và ông Lương Văn T mới thực hiện nghĩa vụ trả tiền lãi đến ngày 05-6-2019 với số tiền là 5.079.310 đồng, sau đó,

không trả nợ gốc theo phân kỳ lần 1 trả vào ngày 14-3-2019, phân kỳ lần 2 trả vào ngày 14-3-2020 và phân kỳ lần 3 trả vào ngày 14-3-2021 như đã thỏa thuận trong hợp đồng.Vì vậy, Ngân hàng X đã thông báo chấm dứt hợp đồng, buộc bà Phạm Thị O và ông Lương Văn T phải trả toàn bộ số tiền nợ trước thời hạn theo quy định của Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng và khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bà Phạm Thị O và ông Lương Văn T phải liên đới trả cho Ngân hàng X số tiền nợ tính đến ngày 29-6-2022 là 62.646.223 đồng, trong đó nợ gốc là 50.000.000 đồng, nợ lãi là 12.646.223 đồng và tiền lãi phát sinh đến thời điểm trả hết nợ.

2. Tòa án đã thực hiện việc tống đạt các văn bản tố tụng để triệu tập bị đơn là bà Phạm Thị O và ông Lương Văn T đến làm việc liên quan đến vụ án nhưng họ cố tình trốn tránh, không có mặt theo Giấy triệu tập của Tòa án. Do vậy, hồ sơ không có lời khai của bà Phạm Thị O và ông Lương Văn T.

3. Trong quá trình giải quyết vụ án, đương sự đã giao nộp và Tòa án đã thu thập các tài liệu, chứng cứ: 01 quyết định số 312/QĐ-HĐQT ngày 10 tháng 5 năm 2003 (bản sao); 01 quyết định số 7300/QĐ-NHCS ngày 19 tháng 9 năm 2019 (bản sao); 01 quyết định số 53A/QĐ-NHCS ngày 01 tháng 10 năm 2019; 01 sổ vay vốn (bản sao); 01 giấy ủy quyền (bản sao); 01 sổ lưu tờ rời theo dõi cho vay - thu nợ - dư nợ (bản sao); 01 giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay; 01 danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn ngân hàng chính sách xã hội (bản sao); 01 biên bản làm việc (bản sao); 02 bảng kê tính lãi; 01 Biên bản xác minh ngày 23-12-2021 của Tòa án.

4. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G khẳng định trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên toà nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn phù hợp với quy định của pháp luật, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại các Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết. Hợp đồng giao kết giữa hai bên chủ thể trong đó có một bên chủ thể Ngân hàng là tổ chức tín dụng có đăng ký kinh doanh và một bên là bị đơn không có đăng ký kinh doanh nên được xác định là hợp đồng dân sự về tín dụng và pháp luật áp dụng là Bộ luật Dân sự và Luật Các tổ chức tín dụng; Trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; Đối với bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn cố tình trốn tránh, không có mặt theo giấy triệu tập, không cung cấp chứng cứ nên phải chịu trách nhiệm về việc không chứng minh được và Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là sổ vay vốn, giấy ủy quyền, sổ lưu tờ rời theo dõi cho vay - thu nợ - dư nợ, giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay và danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn Ngân hàng X đều thể hiện, ngày 14-3-2018 Phòng giao dịch NHX huyện G đã giải ngân cho hộ gia đình bà Phạm Thị O và ông Lương Văn T vay vốn chương trình Hộ mới thoát nghèo với số tiền 50.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 4200062307, lãi suất 8.25%/năm, thời hạn trả nợ cuối cùng ngày 14-3-2023, trả lãi hàng tháng và gốc trả 12 tháng/lần kể từ ngày nhận tiền vay, số tiền gốc trả mỗi kỳ là 10.000.000 đồng, bắt đầu trả tiền gốc là ngày 14-3-2019. Hình thức vay tín chấp ủy thác qua Hội Nông dân xã Ia Bă, huyện G, tỉnh Gia Lai. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà Phạm Thị O và ông Lương Văn T mới thực hiện nghĩa vụ trả tiền lãi đến ngày 05-6-2019 với số tiền là 5.079.310 đồng, sau đó, không trả nợ gốc theo phân kỳ lần 1 trả vào ngày 14-3-2019, phân kỳ lần 2 trả vào ngày 14-3-2020 và phân kỳ lần 3 trả vào ngày 14-3-2021. Hợp đồng giữa nguyên đơn với bị đơn được giao kết hợp pháp nên có hiệu lực, các bên trong hợp đồng có nghĩa vụ thực hiện đúng và đầy đủ các điều khoản đã cam kết. Bị đơn vi phạm nghĩa vụ của bên vay theo hợp đồng đã được giao kết nên nguyên đơn chấm dứt hợp đồng và khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả nợ trước thời hạn là có căn cứ theo quy định tại Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật Dân sự và Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng X, buộc bà Phạm Thị O và ông Lương Văn T phải liên đới trả cho Ngân hàng X số tiền nợ tính đến ngày 29-6-2022 là 62.646.223 đồng, trong đó nợ gốc là 50.000.000 đồng, nợ lãi là 12.646.223 đồng và tiền lãi phát sinh đến thời điểm trả hết nợ.

[3] Về án phí: Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 147, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 288, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật Dân sự; Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng.

- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án và Danh mục án phí, lệ phí tòa án Ban hành kèm theo Nghị quyết.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng X.

2. Buộc bà Phạm Thị O và ông Lương Văn T phải liên đới trả cho Ngân hàng X số tiền nợ theo Hợp đồng tín dụng số 4200062307 ngày 14-3-2018 tính đến ngày 29-6-2022 là 62.646.223 đồng (sáu mươi hai triệu sáu trăm bốn mươi sáu nghìn hai trăm hai mươi ba đồng), trong đó nợ gốc là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng), nợ lãi là 12.646.223 đồng (mười hai triệu sáu trăm bốn mươi sáu nghìn hai trăm hai mươi ba đồng), và tiền lãi phát sinh đến thời điểm trả hết nợ.

3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất

mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

4. Về án phí: Buộc bà Phạm Thị O và ông Lương Văn T phải liên đới chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 3.123.311 đồng (ba triệu một trăm hai mươi ba nghìn ba trăm mười một đồng).

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên toà thì có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện G;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- Chi cục THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)

Lê Văn Đính